

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

ĐỀ TÀI:

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC
CHO HỌC SINH BẰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO
TRONG CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM**

LĨNH VỰC: CHỦ NHIỆM

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN
TRƯỜNG THPT NGHI LỘC 4

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

ĐỀ TÀI:

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC
CHO HỌC SINH BẰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO
TRONG CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM**

Nhóm tác giả: Trường THPT Nghi Lộc 4

1. Hoàng Mạnh Dũng - Giáo viên - Tổ Văn - Anh

2. Lê Thị Lộc - Giáo viên - Tổ Văn - Anh

Điện thoại : 0912592288

Năm học : 2021- 2022

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

GV:	Giáo viên
GVCN:	Giáo viên chủ nhiệm
HS:	Học sinh
HD TNST:	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
NLGT&HT:	Năng lực giao tiếp và hợp tác
THPT:	Trung học phổ thông
GDPT:	giáo dục phổ thông
PPDH:	phương pháp dạy học
TBDH:	Thiết bị dạy học

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu.....	2
3. Tính mới và kết quả đạt được của đề tài	3
PHẦN II: NỘI DUNG	4
1. Cơ sở lí luận	4
1.1.1. Khái niệm năng lực	4
1.1.2. Khái niệm giao tiếp	4
1.1.3. Cấu trúc của năng lực giao tiếp.....	4
1.1.4. Các phương tiện của năng lực giao tiếp	5
1.1.5. Đối tượng giao tiếp	5
1.1.6. Các yếu tố cần phát triển để có năng lực giao tiếp tốt	6
1.1.7. Các lỗi cần tránh trong phát triển năng lực giao tiếp	8
1.2. Năng lực hợp tác	8
1.2.1. Khái niệm hợp tác	8
1.2.2. Các biểu hiện của năng lực hợp tác.....	9
1.2.3. Quy trình phát triển năng lực hợp tác.....	9
1.2.4. Các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh THPT	10
1.3. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và công tác chủ nhiệm ở trường THPT	11
1.3.1. Khái niệm HĐTNST.....	11
1.3.2. GVCN ở trường THPT với công tác phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.....	12
2. Cơ sở thực tiễn	15
2.1. Về phía nhà trường:.....	15
2.2. Về phía giáo viên:.....	15
2.3. Về phía học sinh:.....	17
3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh ở trường THPT	19
3.1. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh ở trường THPT..	19
3.1.1. Hình thức đóng vai	19
3.1.2. Hình thức trò chơi:	20
3.1.3. Hình thức hoạt động teambuilding.....	21

3.1.4. Hình thức tổ chức cuộc thi.....	23
3.2. Tiến trình tổ chức các HĐTNST nhằm phát triển NL GT&HT cho HS THPT .	24
3.2.1. Giáo án minh họa giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh qua tiết trải nghiệm với chủ đề Thanh niên với tình bạn và tình yêu ...	26
3.3.2. Một số hình ảnh minh họa về tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển NL GT&HT trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hội thi,.....	31
3.3. Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực GT&HT cho HS	33
3.3.1. Phối hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường để tổ chức HĐTNST nhằm mục tiêu phát triển năng lực GT&HT cho HS	33
3.3.2. Lựa chọn các chủ đề thích hợp.	34
3.3.3. Xác định mục tiêu, phương pháp tổ chức các hoạt động theo hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.	34
3.3.4. Tổ chức thực hiện	34
3.3.5. GVCN khuyến khích HS tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa	34
3.4. Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh ..	37
3.4.1. Xác định tiêu chí và mức độ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh.....	37
3.4.2. Thiết kế bảng kiểm quan sát	39
3.4.3. Thiết kế phiếu tự đánh giá sản phẩm dự án của học sinh.....	41
3.4.4. Thiết kế bài kiểm tra	44
4. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ TÀI.....	44
PHẦN III: KẾT LUẬN.....	46
1. Những đóng góp của đề tài	46
2. Một số kiến nghị, đề xuất	46
TÀI LIỆU THAM KHẢO	48

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

- Trong những năm gần đây, đổi mới giáo dục đã trở thành nhu cầu cấp thiết và có xu hướng mang tính toàn cầu để các quốc gia nâng cao nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hóa vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Việt Nam trong những năm gần đây đã có những bước tiến vượt bậc về kinh tế xã hội, đã thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế của nước ta chưa vững chắc, chất lượng nguồn nhân lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, môi trường văn hoá còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa hội đủ các nhân tố để phát triển nhanh và bền vững. Trước tình hình đó, Đảng, Quốc hội nước ta đã đề ra mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trách nhiệm, có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá. Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (NLGT&HT) đóng vai trò, vị trí quan trọng của con người trong xã hội hiện đại. Không chỉ là cầu nối gắn kết mối quan hệ giữa mọi người mà năng lực giao tiếp và hợp tác còn là chìa khóa dẫn lối thành công trong mọi lĩnh vực. Tương tác với người khác sẽ tạo cơ hội trao đổi và phản ánh về ý tưởng. Hành động xây dựng ý tưởng để chia sẻ thông tin hoặc lập luận để thuyết phục người khác là một phần quan trọng trong học tập và làm việc. Giao tiếp và hợp tác tốt sẽ giúp chúng ta chia sẻ trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau để phát huy tốt tiềm năng của từng người. Sự liên kết, phối hợp ăn ý nhau sẽ tạo ra được nhiều giá trị hơn so với việc tận dụng sức mạnh của từng người riêng lẻ.

- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST) giữ vai trò rất quan trọng trong dạy học và giáo dục. Trong chương trình GDPT 2018, HĐTNST là hoạt động giáo dục bắt buộc, vì qua hoạt động này sẽ giúp cho học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn, từ đó hình thành những phẩm chất cần thiết như: Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ. Việc đưa hoạt động trải nghiệm vào trong chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nội dung giáo dục với thực tiễn đời sống xã hội, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động.

- Để phát huy được năng lực giao tiếp và hợp tác cũng như hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học và giáo dục ở nhà trường, ngoài đội ngũ quản lí, các giáo viên bộ môn thì vai trò giáo viên chủ nhiệm cũng hết sức quan trọng. Muốn những hoạt động này đạt hiệu quả cao, giáo viên chủ nhiệm phải luôn có ý thức đổi mới và vận dụng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau. Trên thực tế, vài năm trở lại đây, công tác chủ nhiệm lớp ở các trường phổ thông đã có một số đổi mới. Giáo viên chủ nhiệm đã lồng ghép hoạt động trải nghiệm trong việc giáo dục học sinh. Qua các hoạt động đổi mới đó, học sinh cảm thấy say mê, hứng thú và tham gia tích cực. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm tổ chức dưới những hình thức còn đơn giản, chủ yếu là hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khoá..., các nội dung liên quan đến các hoạt động giáo dục trong công tác chủ nhiệm còn ít, thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục nếu có thường vào các dịp lễ, tết... và cách thức tổ chức chủ yếu theo kinh nghiệm, chưa có những cơ sở lý thuyết, mô hình thực tiễn nào chỉ dẫn cụ thể.

- Trong quá trình giảng dạy và chủ nhiệm lớp, chúng tôi đã trải qua, tìm tòi các biện pháp với nhiều cách tiếp cận khác nhau với mong muốn đạt hiệu quả tốt nhất đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh, góp phần đổi mới dạy học phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội của đất nước và xu thế giáo dục hiện đại. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi đã tiến hành lựa chọn và áp dụng đề tài: ***“Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm ở trường THPT”***

2. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Năng lực giao tiếp và hợp tác chiếm giữ một vị trí đặc biệt đối với lứa tuổi học sinh THPT. HSTHPT luôn thích thú, háng say trong việc thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm của mình thông qua giao tiếp và hợp tác. Song các em còn chưa hiểu rõ mục đích, cách thức trong việc thực hiện quá trình giao tiếp và hợp tác, điều đó khiến cho hoạt động giao tiếp không đạt được hiệu quả như mong muốn. Thông qua đề tài nghiên cứu, người viết muốn hình thành, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học sinh THPT, giúp định hướng cho các em cách trình bày quan điểm, suy nghĩ cá nhân, cách lắng nghe, lĩnh hội trong giao tiếp, đặc biệt cách hợp tác trong hoạt động nhóm thông qua hoạt động trải nghiệm.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cũng như nghiên cứu thực trạng dạy học và công tác chủ nhiệm đồng thời đề xuất một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

2.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực trạng và đề

xuất giải pháp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh ở trường THPT.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí luận
- Phương pháp khảo sát thực tiễn
- Phương pháp thống kê, xử lí số liệu
- Phương pháp Test
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp so sánh đối chiếu

3. Tính mới và kết quả đạt được của đề tài

Đề tài trình bày có hệ thống, khoa học các giải pháp, hỗ trợ cho học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh THPT.

PHẦN II: NỘI DUNG

1. Cơ sở lí luận

1.1. Năng lực giao tiếp và hợp tác ở học sinh THPT

1.1.1. Khái niệm năng lực

Năng lực có nguồn gốc tiếng Latinh “Competentia”, có nghĩa là gặp gỡ. Khái niệm năng lực đã xuất hiện từ rất lâu trên thế giới và có mặt trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau: Tâm lý học, Triết học, Xã hội học, Giáo dục học, Kinh tế học... Năng lực có một số từ đồng nghĩa hoặc nhiều nghĩa tương đồng như: “Khả năng” (ability); “Năng khiếu” (aptitude); “hiệu suất” (efficiency); “Hiệu quả” (effectiveness) và “Kỹ năng” (Skill). Vì các định nghĩa khoa học cho khái niệm năng lực rất đa dạng nên không thể xác định được một định nghĩa tập trung đơn lẻ. Tuy nhiên vẫn có thể giải thích và phát triển khái niệm năng lực theo những mục đích khoa học và thực tiễn.

1.1.2. Khái niệm giao tiếp

Giao tiếp là một quá trình trong đó các bên tham gia tạo ra hoặc chia sẻ thông tin, cảm xúc với nhau nhằm đạt được mục đích giao tiếp. Theo cách quan niệm này, giao tiếp không đơn thuần là một hành vi đơn lẻ mà nó nằm trong một chuỗi các tư duy hay hành vi mang tính hệ thống trong bản thân các bên tham gia giao tiếp hoặc giữa họ với nhau. Thành phần các bên tham gia vào quá trình giao tiếp có thể rất đa dạng nếu xét giao tiếp theo nghĩa rộng. Tuy nhiên, giao tiếp mà chúng ta nói ở đây giới hạn vào con người với tư cách là các bên tham gia giao tiếp.

1.1.3. Cấu trúc của năng lực giao tiếp

Việc phân định các thành phần khác nhau của năng lực giao tiếp cũng rất đa dạng ở các tác giả khác nhau.

Theo Daniel Coste, năng lực giao tiếp bao gồm bốn thành phần:

- Thành phần làm chủ ngôn ngữ gồm các kiến thức ngôn ngữ, các kỹ năng liên quan đến sự vận hành của ngôn ngữ với tư cách là một hệ thống cho phép thực hiện các phát ngôn;

- Thành phần làm chủ văn bản gồm các kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng liên quan đến diễn ngôn, các thông điệp với tư cách là một chuỗi tổ chức phát ngôn;

- Thành phần làm chủ các yếu tố về phong tục gồm các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tập quán, chiến lược, cách điều chỉnh trong trao đổi liên nhân theo đúng địa vị, vai vế và ý định của những người tham gia giao tiếp;

- Thành phần làm chủ tình huống bao gồm các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng đến cộng đồng và sự lựa chọn của người sử dụng ngôn ngữ trong một hoàn cảnh cụ thể.

Tuy nhiên, thiên về góc độ nội lực cá nhân cần vận dụng trong giao tiếp, A. Abbou đã đề xuất cấu trúc năm yếu tố của năng lực giao tiếp, bao gồm: năng

lực ngôn ngữ, năng lực văn hóa-xã hội, năng lực logic, năng lực lập luận và kỹ hiệu học (A.Abbou,1980:15)

Cũng cùng quan điểm cấu trúc năm yếu tố, nhưng H.Boyer lại tổ chức theo một hướng nhìn khác. Theo học giả này, năm yếu tố đó bao gồm: 1- *Năng lực về tín hiệu hay tín hiệu ngôn ngữ*; 2- *Năng lực về quy chiếu*; 3- *Năng lực về diễn ngôn – văn bản*; 4- *Năng lực xã hội dụng học*; 5- *Năng lực về tính bản sắc xã hội văn hóa* (H. Boyer,1990). Như vậy, theo quan điểm này, tất cả các yếu tố cấu thành năng lực giao tiếp thể hiện tương đối hoàn chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến việc nắm bắt ngôn ngữ của một người dùng ngôn ngữ nói chung chứ không phải trên quan điểm của người học một ngôn ngữ.

Cuối cùng, chúng tôi thấy các tác giả của Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ châu Âu đưa ra quan điểm hợp lý hơn với cấu trúc ba yếu tố của năng lực giao tiếp, bao gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực xã hội ngôn ngữ và năng lực dụng học.

1.1.4. Các phương tiện của năng lực giao tiếp

Phương tiện giao tiếp là tất cả yếu tố được dùng để thể hiện thái độ, tình cảm, tư tưởng, mối quan hệ và những tâm lý khác trong một cuộc giao tiếp. Phương tiện giao tiếp gồm hai nhóm: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Những yếu tố có liên quan đến ngôn ngữ gồm:

+ Nội dung: Nghĩa của từ, lời nói.

+ Tính chất: Ngữ điệu, nhịp điệu, âm điệu

- Những biểu hiện của nhóm phi ngôn ngữ gồm:

+ Diện mạo: Dáng người, màu da, khuôn mặt,...

+ Nét mặt: Khoảng 2000 nét mặt

+ Nụ cười: Thể hiện cá tính của người giao tiếp

+ Ánh mắt: Thể hiện cá tính của người giao tiếp, đồng thời thể hiện vị thế của người giao tiếp

+ Cử chỉ

+ Tư thế: Bộc lộ cương vị xã hội

+ Không gian giao tiếp

+ Hành vi

1.1.5. Đối tượng giao tiếp

Đối tượng giao tiếp là đối tượng mà chúng ta thực hiện việc giao tiếp. Đối tượng giao tiếp rất đa dạng, có thể là trẻ em hay người lớn, là nông dân hay trí thức, là người nghèo hay người giàu, là người nóng tính hay bình thản... Chúng ta có thể phân loại đối tượng giao tiếp thành một số nhóm như sau:

***Nhóm đối tượng giao tiếp chia theo độ tuổi và đặc điểm tâm lý cơ bản**

Bao gồm 6 nhóm đáng quan tâm sau:

- *Nhóm 1*: Nhi đồng: (Trẻ từ 5 – 6 tuổi cho đến 10 - 11 tuổi).

- *Nhóm 2*: Thiếu niên: (Từ 11 – 12 đến 14 – 15 tuổi).

- *Nhóm 3*: Thanh niên: (Từ 15 – 20 tuổi).
- *Nhóm 4*: Tuổi trưởng thành: (từ 21 đến 40 tuổi).
- *Nhóm 5*: Tuổi trung niên: (Từ 40 đến 60 tuổi).
- *Nhóm 6*: Tuổi cao niên: (Trên 60 tuổi).

- Căn cứ theo đặc điểm từng nhóm tuổi mà điều chỉnh việc giao tiếp sao cho phù hợp nhất.

***Nhóm đối tượng giao tiếp theo nghề nghiệp**

Bao gồm một số nhóm đáng quan tâm sau:

- Nông dân.
- Nghề nghiệp thiên về kinh tế - tài chính.
- Nghề nghiệp thiên về xã hội – nhân văn
- Nghề nghiệp thiên về khoa học tự nhiên
- Chính trị gia.

Tùy vào đặc điểm riêng của mỗi nghề mà chuẩn bị sự giao tiếp cho tốt và khéo léo. Làm sao lấy được thiện cảm của đối tượng giao tiếp xem như thành công một nửa.

***Nhóm đối tượng giao tiếp đặc trưng bởi khí chất tâm lý.**

- *Nóng nảy*: thường vội vàng, hấp tấp không sâu sắc, thiếu tế nhị, tình cảm mãnh liệt, bộc trực thẳng thắn, dễ xúc động và liều lĩnh.
- *Ưu tư*: thiếu tự tin, mặc cảm, trầm lắng, ngại giao tiếp. Nhận thức chậm nhưng sâu sắc và tinh tế, thận trọng trong công việc, dễ thông cảm cho người khác.

- *Bình thản*: Nhận thức và phản ứng chậm, tình cảm kín đáo, thường che giấu cảm xúc. Bề ngoài thiếu tự tin, thiếu chan hòa. Nhưng bình tĩnh chín chắn, thận trọng và sâu sắc. Thường do dự trong công việc nên dễ bỏ lỡ cơ hội.

- *Hăng hái*: nhận thức nhanh, hoạt bát, lạc quan, cởi mở, giao tiếp rộng, nhiệt tình, chan hòa, dễ thích nghi. Thường chủ quan, hời hợt, tình cảm dễ thay đổi không kiên định, dễ hứa và dễ thất hứa.

***Nhóm đối tượng giao tiếp theo giới tính.**

- *Nữ giới*: trọng tình cảm, thích lãng mạn và đơn giản. Có khả năng giao tiếp tốt và dễ dàng giao tiếphon nam giới. Kĩ tính, rất cẩn thận và tỉ mỉ ở những chi tiết nhỏ.

- *Nam giới*: cứng rắn, trọng lý lẽ. Giao tiếp không tốt bằng nữ giới. Dễ tha thứ thường không để ý những chi tiết nhỏ. Hào phóng và mạnh mẽ.

1.1.6. Các yếu tố cần phát triển để có năng lực giao tiếp tốt

Có nhiều loại hình kĩ năng giao tiếp bạn cần lĩnh hội và thực hành để trở thành một người giao tiếp thành thạo. Các kĩ năng này có thể được sử dụng kết hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Để giao tiếp tốt, ứng xử khéo léo trong cuộc sống cũng như công việc và xã hội chúng ta cần lưu ý những điểm

sau:

***Lắng nghe tích cực**

Lắng nghe tích cực là khả năng tập trung hoàn toàn vào người nói, hiểu thông điệp của họ, hiểu thông tin và phản hồi một cách chu đáo. Không giống như lắng nghe thụ động, là hành động nghe một người nói mà không ghi lại thông điệp của họ, kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân được đánh giá cao này đảm bảo bạn có thể tham gia và sau đó nhớ lại các chi tiết cụ thể mà không cần thông tin lặp lại.

***Điều chỉnh phong cách nói chuyện với từng người nghe**

Khi có cơ hội tiếp xúc với nhiều nhóm đối tượng khác nhau, bạn cần phải linh hoạt trong việc điều chỉnh phong cách nói chuyện cho phù hợp với mỗi nhóm khác nhau. Không chỉ vậy, khi giao tiếp bằng cách hình thức khác nhau thì cũng nên chọn cách thức nói chuyện khác cho phù hợp với từng thời điểm.

***Sự thân thiện**

Thân thiện trong giao tiếp là cần thiết, nó giúp bạn có cơ hội gặp gỡ và trò chuyện được với những người xung quanh. Khi học được cách trò chuyện thân thiện với mọi người, bạn cũng đã học được một phần nhỏ quan trọng trong kỹ năng giao tiếp. Sự thân thiện góp phần làm nên hiệu quả giao tiếp (niềm tin và sự thấu hiểu) được đảm bảo trên 2 yếu tố: sự chân thành và lòng tốt.

***Sự tự tin**

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự tự tin đều giúp bạn vượt qua những vấn đề dù khó khăn nhất. Và để có thể tự tin thể hiện ý kiến của mình, bạn phải chắc chắn hiểu được bản thân đang sắp nói gì, làm gì, phải chuẩn bị kỹ càng kiến thức, thông tin trước khi trình bày. Điều này có nghĩa là bạn phải rèn luyện, học hỏi và cập nhật thường xuyên để hiểu bản thân hơn và tự tin hơn với những gì mình có.

***Sẵn sàng phản hồi và đặt câu hỏi**

Hiệu quả giao tiếp phần lớn được đánh giá bởi chất lượng của các phản hồi. Phản hồi càng sâu sắc và mang tính phản biện thì vấn đề đưa ra càng thu hút và có chiều sâu. Phản hồi nên tập trung giải quyết vấn đề, cung cấp các giải pháp để củng cố thêm tính bền vững và khả thi của các dự án.

Để không đưa cuộc hội thoại vào bế tắc, thì việc đặt câu hỏi cũng là một cách tạo ra nhiều chủ đề trò chuyện. Trong giao tiếp, việc đặt được một câu hỏi khiến người khác sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện cá nhân mà bạn muốn biết là điều không hề đơn giản. Những người chỉ chăm chăm đặt những câu hỏi đóng, không có tính gợi mở chủ đề nói chuyện thì có thể là do kỹ năng giao tiếp kém, hoặc tệ hơn nữa là vì họ không muốn tiếp tục trò chuyện với bạn.

***Âm lượng và sự rõ ràng**

Chất lượng giao tiếp cũng phụ thuộc vào âm lượng và sự rõ ràng. Khi bạn muốn truyền đạt một thông điệp, bạn cần điều chỉnh âm lượng của giọng nói

hoặc của các phương tiện truyền tải thông tin sao cho âm thanh truyền tải đủ nghe và rõ ràng để đảm bảo người nghe không bỏ sót bất kì thông tin quan trọng nào. Âm thanh quá to khiến cho thông tin truyền đi kém hiệu quả và khiến người nghe không cảm thấy được tôn trọng.

***Sự đồng cảm**

Đồng cảm là việc bạn biết đặt bản thân vào suy nghĩ của người khác, cảm nhận và thấu hiểu lý do hành động của họ. Trong giao tiếp giữa hai người với nhau cần có sự đồng cảm để có thể hiểu câu chuyện của nhau hơn. Khi bạn biết đồng cảm với câu chuyện của đối phương nghĩa là bạn đã học được cách lắng nghe và hiểu người khác

***Sự tôn trọng**

Học cách chủ động lắng nghe, không áp đặt đối phương phải suy nghĩ giống bạn. Cũng như tôn trọng câu chuyện đối phương kể là cách rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp. Khi học được cách tôn trọng đối phương bạn sẽ tránh được những cuộc tranh cãi gay gắt không hồi kết và tìm được hướng giải quyết cho vấn đề.

***Hiểu thông điệp của ngôn ngữ kí hiệu**

Một cuộc đối thoại xảy ra thường có mục đích là đạt được mục tiêu mà các bên mong muốn trước đó. Vì vậy, để thấu hiểu và chia sẻ được với nhau thì bạn cần phải tìm ra được điểm chung trong cuộc trò chuyện. Điều này cũng là một minh chứng rõ ràng cho việc lắng nghe, hiểu và cùng đưa ra giải pháp rất quan trọng khi giao tiếp.

Bên cạnh lời nói thì các ngôn ngữ kí hiệu cũng phát huy tác dụng trong việc truyền đạt thông điệp. Một cái gật đầu hoặc hành động giơ ngón tay cái có thể là tín hiệu nhiệt liệt đồng tình với các quan điểm được đưa ra. Ngược lại, hãy đảm bảo bạn gửi thông điệp phù hợp đối với đối tượng giao tiếp (người nghe) nhé.

1.1.7. Các lỗi cần tránh trong phát triển năng lực giao tiếp

- Không có sự chuẩn bị trước
- Trả lời lan man và vòng vo
- Trả lời ngập ngừng, hoặc ậm ừ
- Ngắt lời người khác đang nói
- Chê bai, nói xấu người khác
- Nhắc đến vấn đề tôn giáo, dân tộc
- Nói quá to khi không cần thiết
- Có những cử chỉ, hành động thiếu tôn trọng
- Lời nói, ánh mắt và nụ cười thiếu chân thành
- Nóng nảy, hấp tấp và vội vàng

1.2. Năng lực hợp tác

1.2.1. Khái niệm hợp tác

Hợp tác là một yếu tố không thể thiếu trong quá trình lao động của con người. Nó diễn ra thường xuyên trong gia đình và trong xã hội. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, hợp tác là cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó, nhằm một mục đích chung. Sự hợp tác diễn ra ở các mặt:

- Thể hiện khả năng làm việc hiệu quả và tôn trọng với các nhóm đa dạng;
- Vận dụng tính linh hoạt và sẵn lòng giúp ích trong việc thực hiện các thỏa hiệp cần thiết để đạt được mục tiêu chung;
- Giả định trách nhiệm được chia sẻ đối với công việc hợp tác và các đóng góp cá nhân có giá trị được thực hiện bởi mỗi thành viên trong nhóm.

1.2.2. Các biểu hiện của năng lực hợp tác

- Biết lắng nghe nhiệm vụ chung của nhóm và nhiệm vụ của bản thân do nhóm trưởng phân công.
- Thực hiện tích cực có kết quả các nhiệm vụ do nhóm giao cho theo cá nhân, theo cặp hoặc nhóm nhỏ.
- Biết trình bày chia sẻ với các thành viên trong nhóm.
- Biết lắng nghe ý kiến của các thành viên khác.
- Biết thảo luận để đưa ra kết luận chung của nhóm.
- Biết tự đánh giá và đánh giá kết quả của các thành viên trong nhóm, giữa các nhóm với thái độ chia sẻ, xây dựng.
- Biết hợp tác, chia sẻ các nhiệm vụ và kinh nghiệm trong nhóm, trong lớp, tiếp thu ý kiến của người khác một cách học tập tích cực.

1.2.3. Quy trình phát triển năng lực hợp tác

- Bước 1: Nhận thức rõ các biểu hiện của năng lực hợp tác. Xác định công cụ đo năng lực hợp tác. Lập kế hoạch phát triển năng lực hợp tác thể hiện ở kế hoạch bài học.

Giáo viên lựa chọn nội dung và hình thức phù hợp để phát triển năng lực hợp tác cho HS.

- Bước 2: Tạo tình huống, tổ chức các hoạt động, sử dụng các PPDH và TBDH phù hợp để hình thành và phát triển năng lực hợp tác cho HS. Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng dạy học hợp tác, áp dụng kỹ thuật dạy học theo góc, dạy học dự án...

- Bước 3: Tổ chức dạy học hợp tác. Sử dụng các biện pháp phù hợp để phát triển năng lực hợp tác cho HS. Theo dõi, hướng dẫn, điều chỉnh cho HS trong quá trình hoạt động.

- Bước 4: Đánh giá sự phát triển năng lực hợp tác cho HS thông qua các công cụ:

- + Bảng kiểm quan sát HS theo các tiêu chí của năng lực.
- + Hồ sơ học tập, phiếu đánh giá của học sinh.
- + Các bài tập, các tình huống nhỏ mô phỏng để kiểm tra, đánh giá việc phát triển năng lực hợp tác của học sinh.

- Bước 5: Rút kinh nghiệm, phát huy những kết quả tốt, đề xuất biện pháp khắc phục hạn chế của HS. Tiếp tục triển khai các hoạt động nhằm phát triển năng lực hợp tác cho HS.

1.2.4. Các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh THPT

***Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp**

- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.

- Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

- Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.

- Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

***Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn**

- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.

- Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.

***Xác định mục đích và phương thức hợp tác**

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

***Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân**

Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

- Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

***Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác**

- Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.

- Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

***Tổ chức và thuyết phục người khác**

- Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

- Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.

***Đánh giá hoạt động hợp tác**

- Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.

- Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm mình và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

***Hội nhập quốc tế**

- Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.

- Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

- Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.

1.3. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và công tác chủ nhiệm ở trường THPT

1.3.1. Khái niệm HĐTNST

Theo Wikipedia: Trải nghiệm là kiến thức hay sự thành thạo một sự kiện hoặc một chủ đề bằng cách tham gia hay chiêm lĩnh nó. Trong triết học, thuật ngữ “kiến thức qua thực nghiệm” chính là kiến thức có được dựa trên trải nghiệm. Một người trải nghiệm nhiều ở một lĩnh vực cụ thể nào đó có thể được coi như chuyên gia của lĩnh vực đó. Khái niệm “trải nghiệm” dùng để chỉ phương pháp làm ra kiến thức hay quy trình làm ra kiến thức chứ không phải là kiến thức thuần túy được đưa ra, là kiến thức dùng

Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “Trải nghiệm là trải qua, kinh qua” [8; 1020]. Quan niệm này có phần đồng nhất với quan điểm triết học khi xem trải nghiệm chính là kết quả của sự tương tác giữa con người với thế giới khách quan. Sự tương tác này bao gồm cả hình thức và kết quả của các hoạt động thực tiễn trong xã hội, bao gồm cả kĩ thuật và kĩ năng, các nguyên tắc hoạt động và phát triển thế giới khách quan.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “Sáng tạo là tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần; Tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không bị gò bó, phụ thuộc

vào cái đã có” [8; 847].

Theo góc nhìn sư phạm, trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó học sinh, sinh viên được trực tiếp trải nghiệm trong nhà trường hoặc xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục. Qua đó, các bạn được phát triển tình cảm, đạo đức, các kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm cá nhân.

Như vậy, hoạt động trải nghiệm sáng tạo là cách thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất và phát huy tiềm năng sáng tạo của học sinh.

1.3.2. GVCN ở trường THPT với công tác phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS

1.3.2.1. Vị trí và chức năng của GVCN

- Giáo viên chủ nhiệm lớp được thay mặt Hiệu trưởng, hội đồng nhà trường và CMHS quản lý và chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục toàn diện học sinh lớp mình phụ trách, tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch của nhà trường ở lớp.

- Đối với HS và tập thể lớp: GVCN là nhà giáo dục và là người lãnh đạo gần gũi nhất, người lãnh đạo, tổ chức điều khiển, kiểm tra toàn diện mọi mặt hoạt động và các mối quan hệ ứng xử thuộc phạm vi lớp mình phụ trách dựa trên đội ngũ tự quản là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn và tính tự giác của mọi HS trong lớp.

- GVCN là người cố vấn cho công tác Đội và công tác Đoàn ở lớp chủ nhiệm

- Trong quan hệ với các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài nhà trường, GVCN là nhân vật trung tâm để hình thành, phát triển nhân cách học sinh và là cầu nối giữa gia đình, nhà trường và xã hội

Chức năng của người GVCN lớp là lãnh đạo, tổ chức, quản lý, giáo dục tập thể lớp trên cơ sở tổ chức các hoạt động giáo dục, các mối quan hệ giáo dục của HS theo mục tiêu giáo dục nhân cách HS toàn diện trong tập thể phát triển và môi trường học tập thân thiện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp, ngoài những công việc của một giáo viên bộ môn giảng dạy trong lớp còn có các nhiệm vụ sau đây:

***Nghiên cứu, nắm vững tình hình học sinh của lớp**

Để làm tốt công tác giáo dục học sinh, nhiệm vụ đầu tiên của giáo viên chủ nhiệm lớp là nghiên cứu để nắm vững tình hình chung của lớp và của từng học sinh. Kết quả nghiên cứu sẽ là những căn cứ để xây dựng mục tiêu, chương trình, kế hoạch năm học để xác định nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với đặc điểm của lớp.

***Xây dựng bộ máy tổ chức tự quản của lớp**

Ngay sau khi nhận được công tác, giáo viên chủ nhiệm cần suy nghĩ ngay đến việc tổ chức bộ máy tự quản cho lớp, dựa trên nghiên cứu hồ sơ, học bạ và quan sát thực tiễn, chỉ định một ban cán sự lâm thời. Phân lớp thành các tổ học sinh có cơ cấu học sinh nam, nữ, trình độ học tập tương đối đồng đều. Phân công trách nhiệm cho ban cán sự và các tổ trưởng để quản lý học sinh và bắt đầu tổ chức các hoạt động chung.

Giáo viên chủ nhiệm trở thành cố vấn về phương pháp công tác cho ban cán sự lớp, cần phát huy vai trò tự quản và tinh thần sáng tạo của các em. Giáo viên chủ nhiệm lớp luôn ủng hộ những sáng kiến của ban cán sự và tất cả học sinh, chỉ đạo thực hiện để các sáng kiến đó trở thành hữu ích.

Công tác tổ chức của lớp là một công việc quan trọng, ban cán sự như thế nào thì lớp sẽ phát triển theo chiều hướng đó. Ban cán sự tốt là chỗ dựa vững chắc cho giáo viên chủ nhiệm trong các hoạt động giáo dục học sinh.

***Thiết lập tốt các mối quan hệ trong tập thể**

Tập thể là một tập hợp đông người với nhiều mối quan hệ, khi tập thể đã hình thành những mối quan hệ tốt đẹp, bền vững thì lúc đó là tập thể sẽ vững mạnh. Vì vậy, để xây dựng tập thể phải thiết lập cả mối quan hệ tình cảm, quan hệ chức năng và kỉ luật tập thể.

Quan hệ tình cảm là quan hệ bạn bè đoàn kết thân ái tương trợ, động viên khích lệ nhau trong học tập, tu dưỡng và cả những mối quan hệ tình cảm khác. Các mối quan hệ này nảy sinh trong hoạt động, giao tiếp và nó tạo thành động lực thúc đẩy sự phát triển của tập thể và giáo dục từng thành viên. Quan hệ tình cảm tốt đẹp, sự đoàn kết thống nhất giữa các thành viên có ý nghĩa cực kì to lớn đối với việc xây dựng tập thể. Trong tập thể thường có hai loại nhóm: nhóm chính thức gồm tổ, đội... và nhóm không chính thức hình thành tự phát, do các em phù hợp nhau về mặt tình cảm, xu hướng, hứng thú. Trong quan hệ tình cảm thì nhóm thứ hai có vai trò to lớn, giáo viên cần lưu ý tận dụng phục vụ cho mục đích giáo dục học sinh của lớp.

***Tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể học sinh**

Như chúng ta đã biết, bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho học sinh. Như vậy, để giáo dục học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp cần tổ chức các hoạt động và thu hút các em tham gia một cách tích cực nhất. Trong trường phổ thông cần tổ chức tốt các hoạt động: Hoạt động học tập; hoạt động đoàn thể, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...

***Phối hợp với giáo viên bộ môn và các lực lượng giáo dục khác để giáo dục học sinh**

Giáo dục và quá trình có tính xã hội, do đó có nhiều lực lượng tham gia. Mỗi lực lượng giáo dục đều có những vai trò và chức năng riêng, giáo viên chủ nhiệm cần khai thác thế mạnh của các lực lượng đó, chủ động phối hợp tổ chức

giáo dục học sinh có kết quả nhất.

***Những yêu cầu đối với GVCN lớp**

Giáo dục và quá trình có tính xã hội, do đó có nhiều lực lượng tham gia. Mỗi lực lượng giáo dục đều có những vai trò và chức năng riêng, giáo viên chủ nhiệm cần khai thác thế mạnh của các lực lượng đó, chủ động phối hợp tổ chức giáo dục học sinh có kết quả nhất.

Giáo viên chủ nhiệm lớp là linh hồn của một lớp học, là người thay mặt hiệu trưởng tổ chức các hoạt động, xây dựng lớp thành một tập thể vững mạnh để giáo dục học sinh theo mục tiêu đã đề ra, do đó người giáo viên chủ lớp phải phấn đấu để đạt được các yêu cầu sau đây:

- Có năng lực chuyên môn tốt, đang giảng dạy có kết quả một môn học trong lớp, có điều kiện gần gũi theo dõi, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện một cách thường xuyên.

- Nắm vững lí luận sư phạm, sử dụng các phương pháp giáo dục tập thể và giáo dục cá biệt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh và với điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường một cách linh hoạt.

- Có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, lao động và trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phải là tấm gương sáng về mọi phương diện cho học sinh noi theo.

- Có khả năng tổ chức và có năng lực hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... để có thể lôi cuốn học sinh cùng tham gia.

- Có phương pháp hoạt động xã hội, biết động viên lôi cuốn các lực lượng giáo dục, biết tổ chức hoạt động tập thể để dẫn dắt học sinh học tập, tu dưỡng tốt vì cuộc sống tương lai.

1.3.2.2. Vai trò của GVCN trong việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS THPT

Nhà trường là một thiết chế xã hội, thay mặt xã hội làm nhiệm vụ giáo dục HS thành những con người theo mong đợi của gia đình, xã hội. Gia đình, nhà trường, xã hội cùng có trách nhiệm giáo dục cho HS các năng lực nói chung và năng lực giao tiếp, hợp tác nói riêng, để các em vững vàng, tự tin, thành công trong cuộc sống. Cần kết hợp giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội theo chức năng và vai trò của mình, trong đó *nhà trường luôn có vai trò quyết định quyết định đối với sự hình thành và phát triển các năng lực giao tiếp hợp tác của các em*. Nhà trường có phương thức giáo dục đặc trưng, đó là có chương trình, kế hoạch giáo dục GTS đạt mục tiêu giáo dục của nhà trường và đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

Nếu nhà trường đóng vai trò quyết định thì GVCN đóng vai trò chủ đạo quyết định đến chất lượng, hiệu quả giáo dục năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS của nhà trường. Bởi GVCN không những thay mặt hiệu trưởng

quản lí HS trong mọi hoạt động giáo dục của nhà trường mà còn trực tiếp giáo dục *năng lực giao tiếp và hợp tác* cho HS thông qua bộ môn mình giảng dạy và thông qua công tác chủ nhiệm của mình.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về phía nhà trường:

Để giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS một cách bài bản và hoàn thiện hơn. Thực tế trong vài năm trở lại đây, trường chúng tôi đã quan tâm đến hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST) trong hoạt động dạy học cũng như hoạt động giáo dục, chẳng hạn như trường đã tổ chức các câu lạc bộ: Văn học dân gian, tiếng Anh giao tiếp học đường, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp, võ thuật, thư viện xanh..., thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp trường, tham dự thi cấp tỉnh, cấp quốc gia..., tổ chức các hoạt động dã ngoại: tham quan các di tích lịch sử như quê Bác, Trùng Bồn, ngã ba Đồng Lộ, quê hương đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, đền thờ hoàng đế Quang Trung, tham quan các mô hình sản xuất nhỏ ở địa phương, tổ chức các diễn đàn... Bước đầu thực hiện, kinh nghiệm chưa nhiều song thực sự đã có những chuyển biến tích cực. Thông qua các hoạt động này các em được khám phá về bản thân, phát huy năng lực sáng tạo của mình, hình thành phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác với bạn bè để tổ chức hoạt động và đặc biệt đem lại cho các em sự hứng thú khi tham gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc giáo dục phát triển NLGT&HT cho HS bằng HĐ TNST trong nhà trường nói chung, trong công tác chủ nhiệm nói riêng vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Hình thức tổ chức chưa đồng bộ, chưa phong phú, đa dạng.
- Việc tổ chức còn mang tính nhất thời, chưa thường xuyên, chưa thực sự được coi trọng từ việc lập kế hoạch, triển khai hoạt động cho đến việc đánh giá, đúc rút kinh nghiệm.
- Việc xử lý kết quả chưa được chú trọng, chưa thúc đẩy được sự say mê, sáng tạo của học sinh.

2.2. Về phía giáo viên:

Trong những năm gần đây, giáo viên đã quan tâm đến việc đổi mới trong công tác chủ nhiệm, đặc biệt là việc đổi mới các hình thức tổ chức các hoạt động liên quan đến các vấn đề trong công tác chủ nhiệm, trong đó có việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh trong các giờ sinh hoạt lớp, chào cờ, hướng nghiệp, tổ chức câu lạc bộ, lao động ... Tuy nhiên việc tổ chức vẫn còn những hạn chế:

- Chưa có kế hoạch cụ thể, còn mang tính nhất thời, chưa thường xuyên.
- Giáo viên tổ chức hoạt động cho học sinh nhưng chưa chú trọng tới phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho các em. Điều đó không phù hợp với một chương trình định hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, cần phải thay

đổi.

- Chưa tích cực hóa một cách hiệu quả những hoạt động của chủ thể học sinh.

- Chưa tạo được cho học sinh hoàn cảnh giao tiếp thuận lợi trong không khí hào hứng của lớp học và thái độ dễ hợp tác của những người cùng tham gia...

- Chưa tạo cho học sinh nhu cầu muốn hoạt động, muốn được bộc lộ...

- Chưa thể hiện được vai trò quan trọng của giáo viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các hoạt động

- Cụ thể: Giờ sinh hoạt lớp thường được tổ chức như một tiết học khô khan, thậm chí có phần cứng nhắc. Nội dung thường chủ yếu tập trung nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong các hoạt động thực hiện nề nếp của các lớp, phê bình những học sinh vi phạm nội quy của nhà trường, chưa chú trọng vào việc tổ chức các nội dung theo chủ đề tuần, tháng, người điều hành các hoạt động là giáo viên chủ nhiệm hoặc bí thư đoàn trường. Những tiết sinh hoạt như vậy chưa tạo cơ hội cho học sinh được tham gia các hoạt động để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác. Việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp nói chung, tư vấn hướng nghiệp nói riêng chưa hiệu quả.

Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực trạng của việc giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS qua công tác chủ nhiệm bằng phiếu điều tra khảo sát GVCN trong trường THPT Nghi Lộc 4

- Nội dung khảo sát như sau:

Phiếu khảo sát thực trạng giáo dục của giáo viên

- Họ và tên giáo viên.....

- Giảng dạy môn.....Chủ nhiệm lớp.....

- Trường THPT Nghi Lộc 4

Hãy trả lời câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô trống trong bảng có câu trả lời phù hợp với thầy /cô

Nội dung	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hài lòng	Chưa hài lòng
Thầy/cô có thường xuyên tổ chức đa dạng các biện pháp giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác bằng HĐ TNST cho HS lớp mình chủ nhiệm không?				

Thầy/ cô đã thực sự hài lòng với hiệu quả giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS bằng HĐ TNST ở lớp mình chủ nhiệm hay chưa?				
--	--	--	--	--

- Kết quả thu được như sau:

TT	Năm học	Số GVCN toàn trường	Nội dung khảo sát			
			Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiệu quả giáo dục	
					Hài lòng	Chưa hài lòng
1	2021-2022	33	12/33 36,37%	21/33 63,63%	10/33 30,30%	23/33 69,70%

Từ kết quả khảo sát đó, chúng tôi nhận thấy: Phần lớn GVCN chưa đầu tư thời gian và tâm huyết vào việc giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS lớp mình. Hoặc cũng có những giáo viên tâm huyết hơn họ có giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS thông qua tiết sinh hoạt lớp, nhưng thực hiện không thường xuyên và bài bản. Cũng chính vì thế mà phần lớn các GVCN chưa hài lòng với hiệu quả giáo dục nội dung này cho HS lớp mình.

2.3. Về phía học sinh:

- Học sinh hiện nay kĩ năng sống còn nhiều hạn chế. Trong quá trình giáo dục chúng ta mới chỉ quan tâm đến việc dạy văn hoá mà chưa quan tâm nhiều tới việc dạy kĩ năng cho các em như kĩ năng tương trợ nhau, giao tiếp, diễn đạt trước đám đông... học sinh ngày càng lười hoạt động hơn ảnh hưởng đến quá trình phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của các em.

- Học sinh thường được chỉ định, phân công tham gia một cách bị động, các em chưa được chủ động tham gia tất cả các khâu trong tiến trình hoạt động.

- Chưa chủ động tương tác với thầy, vẫn duy trì lối học thụ động, ngại hợp tác, ngại thực hành, ngại sáng tạo, thậm chí ngại giao tiếp, bày tỏ quan điểm chính kiến của mình. Nhiều em chưa thực sự quan tâm, hứng thú với các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, chưa tham gia tích cực vào các hoạt động do giáo viên tổ chức, hướng dẫn để trải nghiệm, để kiến tạo những giá trị mới.

Để có kết luận xác đáng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tìm hiểu thực trạng học tập của HS. Cụ thể, chúng tôi đã phát phiếu điều tra cho HS ở nhiều khối lớp khác nhau trong trường để các em phát biểu những cảm nhận và nêu ý kiến, nguyện vọng của mình về việc giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và

hợp tác qua công tác giáo dục của người iGVCN.

- Nội dung khảo sát như sau:

Phiếu khảo sát thực trạng học tập của học sinh

Họ và tên học sinh.....

Khối/Lớp.....Trường THPT Nghi Lộc 4

Hãy trả lời câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu x vào ô trống trong bảng có câu trả lời phù hợp với em.

Nội dung	Có	Không/Chưa
Em có thường xuyên được học để có thể phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các hoạt động giáo dục do GVCN mình tổ chức hay không?		
Em có mong muốn được học để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác từ những hoạt động giáo dục do GVCN tổ chức hay không?		

- Kết quả thu được như sau:

TT	Năm học	Khối /Lớp	Nội dung khảo sát			
			Đã được học	Chưa từng được học	Có mong muốn	Không mong muốn
1	2021 - 2022	10	168/505 33,26%	337/505 66,73%	500/505 99%	5/505 1,0%
2	2021 - 2022	11	165/459 35,9%	294/459 64,05%	455/459 99,13%	4/459 0,87%
3	2021 - 2022	12	160/443 36,11%	283/443 63,88%	440/443 99,32%	3/443 0,68%

- Qua kết quả khảo sát trên cho thấy:

+ HS ở các khối lớp chủ yếu không được học một cách thường xuyên, bài bản, có hệ thống các năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua các hoạt động giáo dục của GVCN. Có chăng, HS chủ yếu được học thông qua một số chương trình ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể do nhà trường tổ chức. Nhà trường không xây dựng nội dung chương trình giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác đưa vào dạy học chính khóa, các tiết sinh hoạt lớp cho GVCN.

+ Phần lớn HS đều mong muốn GVCN lớp mình sẽ đưa nội dung giáo

dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác vào trong các hoạt động trải nghiệm đa dạng của lớp.

3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh ở trường THPT

3.1. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh ở trường THPT

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiểu phẩm, kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Tùy thuộc vào thực tiễn, kế hoạch giáo dục của nhà trường và đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm mà chúng ta có thể lựa chọn những hình thức phù hợp. Trong khuôn khổ của sáng kiến này, chúng tôi đề xuất một số hình thức sau:

3.1.1. Hình thức đóng vai

Đóng vai là phương pháp giáo dục giúp học sinh thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Đóng vai thường không có kịch bản cho trước mà học sinh tự xây dựng trong quá trình hoạt động. Đây là phương pháp giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào cách ứng xử cụ thể mà các em quan sát được. Việc "diễn" không phải là phần quan trọng nhất của phương pháp này mà là xử lý tình huống khi diễn và thảo luận sau phần diễn đó.

Đóng vai có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh. Thông qua đóng vai, học sinh được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của các em, khích lệ thay đổi thái độ và hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó.

Thông qua các hành vi, cá nhân nhận thức và giải quyết tốt hơn vấn đề của bản thân, vai trò lãnh hội được trong quá trình sắm vai cho phép học sinh thích ứng với cuộc sống tốt hơn. Trong trò chơi cũng như trong cuộc sống, các em mong muốn có được một vai yêu thích, khi đóng một vai học sinh bước ra từ chính bản thân mình.

Một số năng lực được hình thành từ hình thức này: Năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp. Một số phẩm chất được phát triển từ giải pháp này: Trách nhiệm, nhân ái.

Các bước triển khai:

- *Bước 1:* Xác định tình huống đóng vai (phù hợp với chủ đề hoạt động; phải là tình huống mở; phù hợp với trình độ học sinh).

- *Bước 2:* Cử nhóm chuẩn bị vai diễn (có thể chuẩn bị trước khi tiến hành hoạt động): yêu cầu nhóm sắm vai xây dựng kịch bản thể hiện tình huống sao cho sinh động, hấp dẫn, mang tính sâu sắc nhưng không đưa ra lời giải hay cách giải quyết tình huống. Kết thúc đóng vai là một kết cục mở để mọi người thảo luận.

- *Bước 3:* Thảo luận sau khi đóng vai: khi đóng vai kết thúc, người dẫn chương trình đưa ra các câu hỏi có liên quan để HS thảo luận.

- *Bước 4:* Thống nhất và chốt lại các ý kiến sau khi thảo luận.

3.1.2. Hình thức trò chơi:

Trò chơi là tổ chức cho học sinh tìm hiểu một vấn đề hay thực hiện những hành động, việc làm hoặc hình thành một thái độ thông qua một trò chơi nào đó.

Trò chơi là một loại hoạt động giải trí, thư giãn đồng thời là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Việc lựa chọn trò chơi phù hợp sẽ có tác dụng rất tích cực tới con người nói chung và đặc biệt đối với học sinh nói riêng.

Trò chơi mang lại những thuận lợi trong quá trình tổ chức dạy học trải nghiệm rõ nét nhất là: việc phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn...

Trò chơi là phương tiện giáo dục và phát triển toàn diện học sinh, giúp các em nâng cao hiểu biết về thế giới hiện thực xung quanh, kích thích trí thông minh, lòng ham hiểu biết, học cách giải quyết nhiệm vụ. Ngoài ra, trò chơi là phương tiện giáo dục phẩm chất nhân cách cho học sinh, phát huy năng lực học sinh.

Một số năng lực được hình thành từ hình thức này: Năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, thể chất, tin học. Một số phẩm chất được phát triển từ giải pháp này: Trách nhiệm, nhân ái, trung thực.

Một số trò chơi được sử dụng nhiều trong các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông hiện nay như: Trò chơi ô chữ, trò chơi vận động, trò chơi mô phỏng game truyền hình... Có thể thấy tổ chức trò chơi là hoạt động quen thuộc dễ thực hiện trong quá trình học tập trải nghiệm và có ý nghĩa giáo dục tích cực.

Các bước triển khai:

Bước 1: Chuẩn bị trò chơi

- Xác định đối tượng và mục đích của trò chơi: thông thường, trò chơi nào cũng có tính giáo dục, phụ thuộc vào các góc độ tiếp cận khác nhau đối với loại, dạng trò chơi và người sử dụng, tổ chức trò chơi. Vì thế xác định đối tượng và mục đích trò chơi phù hợp là công việc cần thiết khi tổ chức trò chơi.

- Cử người hướng dẫn chơi.

- Thông báo kế hoạch, thời gian, nội dung trò chơi đến học sinh.

- Phân công nhiệm vụ cho các lớp, tổ nhóm, đội chơi để chuẩn bị điều kiện phương tiện (lực lượng; phục trang như quần áo, khăn, còi; còi; phần thưởng) cho cuộc chơi.

Bước 2: Tiến hành trò chơi

- Ôn định tổ chức, bố trí đội hình: tùy từng trò chơi, địa điểm tổ chức, số lượng người chơi mà giáo viên bố trí đội hình, phương tiện cho phù hợp, có thể theo hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn hay chữ U,....

- Giáo viên xác định vị trí cố định hoặc di động sao cho mọi khẩu lệnh các em đều nghe thấy, các động tác học sinh quan sát, thực hiện được, ngược lại bản thân giáo viên phải phát hiện được đúng, sai khi các em chơi.

- GV giới thiệu trò chơi phải ngắn gọn, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, bao gồm các nội dung sau: Thông báo tên trò chơi, chủ đề chơi; Nêu mục đích và các yêu cầu của trò chơi; Nói rõ cách chơi và luật chơi, cho học sinh chơi nháp/chơi thử 1 -2 lần, sau đó học sinh bắt đầu chơi thật.

- Dùng khẩu lệnh bằng lời, nhạc, còi, chuông, trống để điều khiển cuộc chơi.

- Giáo viên hay nhóm trọng tài cần quan sát, theo dõi kỹ, chính xác để đánh giá thắng thua và rút kinh nghiệm....

Bước 3: Kết thúc trò chơi

- Đánh giá kết quả trò chơi: Giáo viên công bố kết quả cuộc chơi khách quan, công bằng, chính xác giúp học sinh nhận thức được ưu điểm và tồn tại để cố gắng ở những trò chơi tiếp theo.

- Động viên, khích lệ ý thức, tinh thần cố gắng của các em, tuyên dương, khen ngợi hay khen thưởng bằng vật chất, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi và để lại những ấn tượng tốt đẹp trong tập thể học sinh về cuộc chơi.

- Dẫn dò các em những điều cần thiết (thu dọn phương tiện, vệ sinh nơi chơi...).

3.1.3. Hình thức hoạt động teambuilding

Hoạt động teambuilding là phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó giáo viên sắp xếp học sinh thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, từ đó học sinh nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp làm việc để hoàn thiện việc chung của nhóm.

Thông qua hình thức làm việc nhóm, giáo viên sắp xếp học sinh thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm. Hình thức này nhằm tăng tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, thể hiện tính bình đẳng, dân chủ, phát huy vai trò chủ thể, hình thành các kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội (bày tỏ niềm tin, ủng hộ qua ánh mắt, sẵn sàng giúp đỡ, kiềm chế bức tức nếu bất đồng quan điểm...).

Hình thức làm việc nhóm phát triển cho học sinh một số năng lực như:

năng lực hợp tác và giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và một số năng lực đặc thù tùy đặc trưng nội dung làm việc nhóm. Một số phẩm chất được hình thành phát như: trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ.

*Giáo viên chủ nhiệm xác định mục tiêu, xây dựng nội dung hoạt động và bàn giao nhiệm vụ cho các nhóm: Tìm hiểu, thuyết trình và tổ chức team building hướng về nội dung nhóm được giao:

+ **Mục tiêu:** Giúp học sinh tìm hiểu được

- Giao tiếp là một quá trình trong đó các bên tham gia tạo ra hoặc chia sẻ thông tin, cảm xúc với nhau nhằm đạt được mục đích giao tiếp.

- Phương tiện giao tiếp là tất cả yếu tố được dùng để thể hiện thái độ, tình cảm, tư tưởng, mối quan hệ và những tâm lý khác trong một cuộc giao tiếp. Phương tiện giao tiếp gồm hai nhóm: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Những yếu tố có liên quan đến giao tiếp gồm: Nội dung, tính chất, diện mạo, nét mặt, nụ cười, ánh mắt, cử chỉ, hành vi

- Để có năng lực giao tiếp tốt cần rèn luyện các kỹ năng: Lắng nghe tích cực, sự thân thiện, sự tự tin,

+ Phương pháp giáo dục: đóng vai, vấn đáp, thuyết trình, trò chơi, hoạt động nhóm

+ Thiết kế các hoạt động như sau: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

Nhóm 1: Tìm hiểu và thuyết trình nội dung: Thế nào là giao tiếp? vai trò của giao tiếp trong cuộc sống và học tập?

Nhóm 2: Tìm hiểu và thuyết trình nội dung: Các phương diện của giao tiếp; Các yếu tố hình thành nên năng lực giao tiếp?

Nhóm 3: Tìm hiểu và thuyết trình về nghệ thuật giao tiếp?

Nhóm 4: Tổ chức các trò chơi trong phạm vi lớp học để làm rõ các yếu tố cấu trúc nên năng lực giao tiếp.

Nhiệm vụ của 4 nhóm cũng chính là nội dung của các hoạt động mà chúng tôi thiết kế trong giờ sinh hoạt “Năng lực giao tiếp và vai trò của giao tiếp trong cuộc sống và học tập”. Các nhóm được giao nhiệm vụ trước 1 tuần. Báo cáo với giáo viên tiến độ thực hiện của nhóm. GVCN góp ý kịp thời để HS hoàn thiện báo cáo. Về thời gian thực hiện chia ra thành 3 tiết sinh hoạt:

Tiết 1: Nhóm 1 và nhóm 2 thuyết trình sản phẩm của nhóm mình

Tiết 2: Nhóm 3 và nhóm 4 thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

Riêng nhóm 4, GVCN có thể hướng dẫn cho các em tổ chức các trò chơi sau

Trò chơi 1: Xử lý tình huống giao tiếp—hoạt động đóng vai

Chọn 1- 3 bạn tham gia chơi, mỗi bạn sẽ đóng vai và xử lý 1 tình huống giao tiếp trong một hoạt kịch ngắn. Lưu ý các tình huống lựa chọn đúng đối tượng là học sinh THPT, có thể lựa chọn các tình huống giao tiếp giữa bạn bè với nhau; giữa học sinh với người thân bố mẹ, anh chị em; giữa học sinh và thầy

cô giáo ...

Trò chơi 2: Tam sao thất bản

Chia người chơi thành hai hoặc nhiều đội chơi, mỗi đội gồm từ 5 đến 7 người chơi.

- Chuẩn bị tai nghe và điện thoại đủ với số người chơi.

- Chuẩn bị một số cụm từ dài từ 5 đến 7 tiếng có độ khó trong cách đọc, phát âm.

- Các đội chơi xếp hàng dọc. Các thành viên sẽ đeo tai nghe đã được bật nhạc thật to. Đảm bảo nhạc không có khoảng lặng, tránh trường hợp người chơi nghe được rõ tiếng bên ngoài.

Trò chơi 3: Đuổi hình bắt chữ 1

- Chia người chơi thành 2 đội, mỗi đội gồm hai thành viên.

- Quản trò đưa ra một câu thành ngữ hoặc tục ngữ. Một thành viên sẽ vẽ diễn tả câu thành ngữ, tục ngữ đó (lưu ý không được viết dưới bất kì hình thức nào). Thành viên còn lại chịu trách nhiệm đoán từ. Đội nào đoán trước đội ấy ghi điểm.

- Quản trò nên chuẩn bị nhiều câu thành ngữ, tục ngữ với các độ khó khác nhau như: gấp lửa bỏ tay người, ném mặt nằm gai, nuôi ong tay áo, đứng núi này trông núi nọ ...

Trò chơi 4: Đuổi hình bắt chữ 2

Với trò chơi này thay vì vẽ tranh thì yêu cầu 1 người sử dụng ngôn ngữ cơ thể (không được nói) để diễn tả một cụm từ nào đó, những người khác trong đội chịu trách nhiệm đoán từ. Cụm từ sử dụng có thể là: Ném đá giấu tay, qua cầu rút ván, há miệng chờ sung, qua cầu gió bay ...

Trò chơi 5: Lắng nghe và thấu hiểu

Quản trò đưa ra một cụm từ hoặc một câu thành ngữ, tục ngữ. Một người chơi diễn đạt cụm từ đó nhưng không được sử dụng bất kì từ nào trong câu đó. Những người chơi còn lại chịu trách nhiệm đoán cụm từ đã diễn đạt. Trong thời gian 3 phút đội nào đúng được nhiều câu nhất đội ấy chiến thắng.

Mỗi một trò chơi học sinh sẽ hiểu thêm được về những yếu tố cấu thành nên năng lực giao tiếp, sẽ xác định được điểm mạnh và yếu của từng người trong phương diện giao tiếp để phân công nhiệm vụ trong nhóm hợp lý từ đó năng lực hợp tác cũng được phát triển theo.

*GVCN lập kế hoạch đánh giá và xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực GT&HT HS đạt được qua tiết học.

*GVCN hướng dẫn HS xác định mục đích, xây dựng kế hoạch hoạt động, cách trình bày các bản báo cáo và cách tổ chức các hoạt động team building phù hợp với các nhiệm vụ được giao.

3.1.4. Hình thức tổ chức cuộc thi

Cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn

học sinh và đạt hiệu quả cao trong học tập, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ. Cuộc thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm, tập thể để vươn lên đạt được điều mong muốn. Chính vì vậy tổ chức hội thi cho học sinh là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của giáo viên trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Mục đích của việc tổ chức cuộc thi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia một cách chủ động tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho học sinh, thu hút tài năng và sự sáng tạo của học sinh, phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của học sinh, kích thích sự hứng thú trong quá trình nhận thức

Tổ chức các cuộc thi có thể trong nhà trường, lớp học hay ngoài không gian trường học. Nội dung cuộc thi rất phong phú và dễ lồng ghép bất cứ nội dung giáo dục nào. Và đó cũng là yêu cầu đặt ra đối với mỗi cuộc thi đều phải mang ý nghĩa giáo dục nhất định.

Cuộc thi có nhiều cách tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi giải ô chữ, đố vui, thi sáng tác, vẽ tranh, hội thi kể chuyện ...

Mỗi hình thức có thể tổ chức với một chủ đề trong đó mang một hay nhiều nội dung giáo dục mà ở đó có sự gắn kết với nội dung chương trình cũng như giáo dục kỹ năng sống.

Một số năng lực được hình thành từ hình thức này: Năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, thể chất, tin học. Một số phẩm chất được phát triển từ giải pháp này: Trách nhiệm, nhân ái, trung thực.

Các bước triển khai:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch tổ chức và thể lệ cuộc thi.

- Kế hoạch tổ chức hội thi cần thể hiện được các nội dung cơ bản sau: Mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, nội dung, biện pháp, tổ chức thực hiện, thể lệ cuộc thi:

Bước 2: Công tác chuẩn bị:

- Chuẩn bị về nhân sự.

- Chuẩn bị về nội dung: Phù hợp với trình độ, khả năng của học sinh, phát huy được khả năng sáng tạo nghệ thuật của học sinh, phát huy phẩm chất, năng lực học sinh

- Chuẩn bị về điều kiện, cơ sở vật chất.

Bước 3: Tổ chức cuộc thi:

3.2. Tiến trình tổ chức các HĐTNST nhằm phát triển NL GT&HT cho HS THPT

***Các bước triển khai:**

Bước 1: Đặt tên cho hoạt động:

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động

cũng tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng thú và tích cực của học sinh. Vì vậy cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để có tên hoạt động cho phù hợp

Việc đặt tên cho hoạt động phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, chính xác, ngắn gọn
- Phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động
- Tạo được ấn tượng ban đầu cho học sinh

Bước 2: Xác định mục tiêu của hoạt động

- Mỗi hoạt động đều thực hiện một mục đích chung của mỗi chủ đề theo từng tuần, tháng.

- Mục tiêu của hoạt động là dự kiến kết quả của hoạt động

- Các mục tiêu của hoạt động phải có xác định cụ thể rõ ràng và phù hợp, phản ánh được mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về tri thức, kỹ năng, thái độ góp phần hình thành những phẩm chất, năng lực.

- Khi xác định mục tiêu cần trả lời các câu hỏi sau:

+ Hoạt động này có thể hình thành cho học sinh những phẩm chất năng lực nào?

+ Mức độ cần đạt và phẩm chất năng lực cần đạt trong hoạt động đó như thế nào?

+ Điều kiện cần thiết để đạt được mục tiêu giáo dục đề ra là gì?

Bước 3: Xác định nội dung và phương thức của hoạt động

Mục tiêu có thể đạt được hay không phụ thuộc vào việc xác định đầy đủ và hợp lý những nội dung và phương thức hoạt động.

Trước hết cần căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã được xác định, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp và khả năng cụ thể của học sinh để xác định các nội dung phù hợp với hoạt động

Bước 4: Chuẩn bị cho hoạt động:

Trong bước này cả giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng tham gia công tác chuẩn bị. Để chuẩn bị tốt cho hoạt động giáo viên cần làm tốt những việc sau đây:

- Nắm những nội dung và hoạt động đã được xác định và dự kiến tiến trình hoạt động

Dự kiến những phương tiện và điều kiện cần thiết để hoạt động có thể thực hiện được một cách có hiệu quả. Các phương tiện và điều kiện cụ thể là:

+ Các phương tiện hoạt động như phương tiện âm thanh, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang, ánh sáng, tranh ảnh, băng đĩa, máy chiếu...

+ Phòng ốc, bàn ghế và các phương tiện phục vụ khác

+ Tài chính, chi phí cho việc tổ chức hoạt động

+ Dự kiến phân công cho các tổ, nhóm hay cá nhân và thời gian hoàn thành công việc

- + Dự kiến về thời gian và thời điểm tổ chức
- + Dự kiến hoạt động cho giáo viên và học sinh

Bước 5: Lập kế hoạch

Lập kế hoạch cụ thể là khâu tính toán, sắp xếp logic các hoạt động nhằm đạt mục tiêu giáo dục hiệu quả nhất, khâu này cần:

- + Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống các mục tiêu, tức là tìm các nguồn lực, thời gian, không gian cần cho việc hoàn thành các mục tiêu
- + Chi phí về tất cả các mặt phải được xác định. Hơn nữa phải tìm ra phương án chi phí ít nhất cho việc thực hiện mục tiêu.

Bước 6: Thiết kế chi tiết hoạt động

Trong bước này cần phải xác định:

- Có bao nhiêu công việc phải thực hiện?
- Các việc đó là gì? Nội dung của mỗi việc?
- Tiến trình và thời gian thực hiện các công việc đó như thế nào?
- Các công việc cụ thể cho các tổ, nhóm và cá nhân.
- Yêu cầu cần đạt của mỗi công việc.

Bước 7: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động

- rà soát và kiểm tra lại các nội dung và trình tự các việc, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lí, khả năng thực hiện và kết quả đạt được.
- Nếu phát hiện những sai sót và bất hợp lí khâu nào thì kịp thời điều chỉnh.

3.2.1. Giáo án minh họa giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh qua tiết trải nghiệm với chủ đề Thanh niên với tình bạn và tình yêu

Hoạt động 1

THI HỎI ĐÁP VỀ TÌNH BẠN, TÌNH YÊU VÀ GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG:

- Hiểu được vẻ đẹp của tình bạn, tình yêu trong sáng, lành mạnh ở lứa tuổi vị thành niên và ý nghĩa quan trọng của những tình cảm đó trong việc hình thành nhân cách của các em.
- Hiểu thanh niên học sinh có quyền được bày tỏ và bảo vệ quan điểm của mình về tình bạn, tình yêu.
- Cùng hợp tác xây dựng mối quan hệ đẹp bình đẳng trong tình bạn, tình yêu.
- Có thái độ đúng đắn trong việc xây dựng tình bạn, tình yêu đẹp đẽ, trong sáng và bình đẳng.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG:

1. Nội dung 1:

1. Khái niệm tình bạn.
2. Thế nào là tình bạn tốt?

3. Khái niệm tình yêu.

4. Ở lứa tuổi học đường có nên yêu không? Nếu có, chúng ta phải làm thế nào để có tình yêu đẹp?

*** Hình thức:**

\$ Thảo luận hai tình huống về tình bạn và tình yêu:

- **TH1:** Lan và Hương chơi với nhau, Lan nói một vài bí mật của Hương cho các bạn khác nghe. Theo bạn, Lan có phải là người bạn tốt của Hương không? Nếu là Hương, bạn sẽ làm gì?

- **TH2:** Hai bạn Hùng và Nhung chơi rất thân với nhau, Hùng quan tâm đặc biệt với Nhung. Nhung cảm thấy khó chịu rồi xa lánh Hùng vì tưởng Hùng yêu mình. Theo bạn những hành động của Hùng có phải là biểu hiện của tình yêu hay không? Nếu là Nhung, bạn sẽ cư xử như thế nào?

2. Nội dung 2: Tìm hiểu về những đặc điểm của tình bạn và tình yêu đẹp.

***Hình thức:** Trò chơi chung sức.

3. Nội dung 3: Tìm hiểu về những quyền và trách nhiệm của người thanh niên học sinh trong việc xây dựng tình bạn, tình yêu đẹp.

***Hình thức:** Trò chơi "Chiếc nón kỳ diệu"

- **V1:** Một trong những quyền cơ bản trong tình bạn, tình yêu.

- **V2:** Một trong những phẩm chất cao quý trong tình yêu của người Việt Nam.

III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Tình bạn là một loại tình cảm gắn bó hai hoặc nhiều người với nhau trên cơ sở hợp nhau về tính tình, giống nhau về sở thích, có sự phù hợp về xu hướng (thể giới quan, lý tưởng, niềm tin...) và một số nhân cách khác mà qua đó mỗi người đều tìm thấy ở bạn mình một cái "tôi" thứ hai ít nhiều có tính chất lý tưởng.

- Tình bạn có vai trò to lớn trong đời sống của mỗi người, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên.

- Một tình bạn tốt có những đặc điểm sau:

+ Có sự phù hợp về xu hướng.

+ Có sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

+ Có sự chân thành, tin cậy và có trách nhiệm cao với nhau.

+ Có sự đồng cảm, cảm thông sâu sắc với nhau.

+ Có thể tồn tại nhiều mối quan hệ tình bạn cùng một lúc mà vẫn giữ được độ mặn nồng thắm thiết.

- Tình bạn khác giới có thể chuyển thành tình yêu. Song, không nhất thiết mọi tình bạn khác giới đều thành tình yêu.

- Trong quan hệ bạn bè khác giới cần tránh:

+ Ngộ nhận tình bạn khác giới là tình yêu.

+ Gây cho bạn khác giới hiểu nhầm là tình yêu.

- Tình bạn khác với tình yêu là không có sự say mê thể xác, không ghen tuông khi bạn khác giới có người yêu.

- Tình yêu là một loại tình cảm đặc biệt, một biểu hiện cao đẹp của tình người (lòng nhân ái), tình yêu làm con người trở nên thanh cao hơn, nhân ái hơn và giàu sức sáng tạo hơn.

- Tình yêu nam nữ là tình cảm đặc biệt, thúc đẩy hai người khác giới đi đến hoà nhập với nhau về tình cảm, tâm hồn và thể xác.

2. Học sinh:

- Soạn và bổ sung thêm các câu hỏi GV đã gợi ý.
- MC được cung cấp các câu hỏi, chuẩn bị đáp án cho các câu hỏi.
- Chuẩn bị khổ giấy to và bút.
- Phân công trang trí bảng và kê bàn ghế phù hợp với HĐ...
- Chuẩn bị phần thưởng (nếu có).

IV. TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG:

* HS hoàn toàn làm chủ bước này, các em hoàn toàn tự quản điều khiển tiết HĐ. GV là đại biểu, là cố vấn.

1. Hoạt động mở đầu (5 phút):

- Khởi động bằng một trò chơi hoặc hát một bài hát tập thể.
- Tuyên bố lý do, giới thiệu chương trình hoạt động.
- Giới thiệu đại biểu.
- Giới thiệu thành phần Ban cố vấn.

2. Hoạt động 1:

* Thảo luận về tình bạn và tình yêu đẹp (10 phút).

- MC lần lượt đưa ra hai tình huống cho các nhóm cùng thảo luận. Thời gian thảo luận là 6 phút.

- Trong khi các tổ thảo luận, MC quan sát, nhắc nhở các ban tập trung, nhắc thời gian để các tổ chủ động hoàn thành đúng tiến độ.

- Các tổ cử đại diện trình bày ý kiến của tổ mình.

- Ban giám khảo cho điểm.

3. Hoạt động 2:

* Trò chơi chung sức (10 phút).

- MC triển khai trò chơi và các qui định.

- Điều khiển trò chơi đúng luật.

V1: Các đặc điểm của tình bạn đẹp.

- Kết quả điều tra

Đặc điểm của tình bạn đẹp.	Điểm
Cùng sở thích	10
Bình đẳng	30
Tôn trọng	12
Chân thành	16
Tin cậy	15
Đồng cảm	17

V2: Các đặc điểm của tình yêu đẹp.

- Kết quả điều tra
- Giám khảo cho điểm các tổ.

4. Hoạt động 3:

* Trò chơi chiếc nón kỳ diệu (15 phút).

- MC triển khai trò chơi và các qui định.

Đặc điểm của tình yêu đẹp.	Điểm
Tôn trọng lẫn nhau	25
Chung thủy	30
Yêu thương	15
Tin tưởng	12
Chia sẻ	8
Trách nhiệm	10

- Điều khiển trò chơi đúng luật

V1: Một trong những quyền cơ bản trong tình bạn, tình yêu

B	Ì	N	H	Đ	Ã	N	G
---	---	---	---	---	---	---	---

V2: Một trong những phẩm chất cao quý trong tình yêu của người Việt Nam

C	H	U	N	G	T	H	Ủ	Y
---	---	---	---	---	---	---	---	---

- Giám khảo cho điểm các tổ.

V. KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG:

* **Phần này cũng do HS hoàn toàn làm chủ.**

- Thư ký tổng kết điểm của các tổ.

- HS tự nhận xét, đánh giá những ưu, khuyết điểm của lớp và rút ra kiến thức cơ bản của tiết học.

- GVCN nhận xét.

Hoạt động 2

THI XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG GIAO TIẾP, ỨNG XỬ

I. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG:

❖ **Giúp học sinh:**

- Học sinh cần hiểu được ý nghĩa của tình bạn, tình yêu trong cuộc sống trong gia đình và xã hội. Hiểu thanh niên có quyền được tư vấn tâm lý, tình cảm và các vấn đề liên quan đến sự phát triển.

- Có khả năng vận dụng các thông tin được tư vấn để xử lý các tình huống trong quan hệ hằng ngày.

- Cởi mở lắng nghe và mạnh dạn trao đổi với các chuyên gia tư vấn.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG:

- Tư vấn về tâm lý tình cảm vị thành niên liên quan đến tình yêu, đến quyền của các em được bảo vệ.

- Tư vấn về quyền được tìm hiểu, giúp đỡ cung cấp kiến thức, thông tin về bình đẳng giới.

III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Cùng với học sinh xây dựng kế hoạch phân công sắp xếp trang trí, phân công cho các nhóm chuẩn bị một số câu hỏi.

- Họp với cán bộ lớp nêu rõ mục đích yêu cầu của buổi tư vấn.

- Định hướng và cung cấp cho học sinh những nội dung cần tư vấn.

- Gợi ý một số câu hỏi và các tình huống tư vấn.

* **Chuyên gia tư vấn:**

- *Giới thiệu đôi nét về tâm lý lứa tuổi vị thành niên:*

+ Tình bạn là gì? Tình yêu là gì ?

+ Tình yêu được biểu hiện như thế nào ? Và nó diễn ra khi nào?

+ Tại sao có khái niệm môi tình đầu ? Như vậy phải có môi tình thứ mấy, thứ 3 không?

*** Câu hỏi chuyên gia đặt ra:**

1. Em hiểu thế nào về tình yêu ?
2. Tại sao khi các em yêu bị cha mẹ và thầy cô ngăn cản ?
3. Theo em thì phải làm cách nào để ngăn chặn hành vi xâm phạm và lạm dụng tình dục ?

*** Tình huống chuyên gia đặt ra:**

Tình huống 1:

- Năm nay em 17 tuổi, em muốn biết bao nhiêu tuổi thì em có quyền được yêu, vì bố mẹ và thầy cô luôn cấm và nhắc nhở chúng em không được yêu

Tình huống 2:

- Mùa hè năm trước em đi sinh hoạt hè ở phường, tình cờ quen được một bạn gái, sau đó về nhà em bỗng dưng nhớ hoài, mãi đến tết năm vừa rồi em mới đến nhà bạn ấy. Em biết bạn ấy có bạn trai mà em vẫn nhớ, mấy tháng trước bạn ấy đi thực tập em giúp bạn hoàn thành bài thực tập. Bạn vừa thi xong là chuyện không may đến với em, em bị bệnh không nguy hiểm như bệnh thể kỷ, nhưng cũng thuộc hàng thập tử nhất sinh, gia đình em sắp tan vỡ, khiến em rất buồn, em viết thư tâm sự cùng bạn ấy nhưng không hề dám nói chuyện nhớ thương, không biết bạn có hiểu cho em không ? Em không biết phải làm như thế nào ? Xin các bạn nghĩ tiếp và cho em một lời khuyên.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị câu hỏi, tình huống và những thắc mắc của bản thân.
- Chuẩn bị trang trí và bố trí kê dọn phòng học thích hợp với hoạt động tư vấn.
- Tiêu đề trang trí "Thanh niên với tình bạn tình yêu".

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:

Người phụ trách	Nội dung chương trình hoạt động	PP
Người điều khiển	I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: - Tuyên bố lý do. - Giới thiệu chương trình. - Giới thiệu chuyên gia.	Chương trình
Chuyên gia	II. NỘI DUNG: 1. Thường thức tiết mục Văn nghệ: Bài Phụng hồng, 2. Chuyên gia tư vấn giới thiệu đôi nét về tâm lý lứa tuổi. 3. Chuyên gia đặt ra 3 câu hỏi. 4. Chuyên gia đưa ra 2 tình huống. 5. Phần giao lưu giữa các bạn với chuyên gia tư vấn và với lớp trưởng.	Chiếu Tiết mục Giới thiệu
Người điều khiển Đại diện nhóm xung phong	III. KẾT THÚC: 1. Lớp trưởng đúc kết lại: 2. GVCN nhận xét buổi tư vấn. 3. Lời cảm ơn của tập thể lớp với các chuyên gia và cô chủ nhiệm.	Thảo luận và trả lời Đặt câu hỏi trực tiếp Nhạc

V. KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG:

❖ MC tóm lại:

- Phải xây dựng tình bạn đẹp để có thể tiến đến tình yêu đó là điều rất tốt.
- Một tình bạn đẹp là tình bạn giúp đỡ nhau vượt khó.
- Vẻ đẹp trong tình bạn tình yêu chính là sự tôn trọng lẫn nhau, chung thủy yêu thương, luôn đem lại hạnh phúc cho nhau.

- Vẻ đẹp trong tình bạn tình yêu là sự tin tưởng, sẵn sàng chia sẻ niềm vui nỗi buồn, chia sẻ trách nhiệm trong tình yêu và trách nhiệm đối với tương lai của nhau, luôn biết tự trọng và tôn trọng chính bản thân mình.

- Phải biết tự bảo vệ mình tránh những nguy cơ xâm hại.

* Mời Thầy/cô chủ nhiệm nhận xét buổi tư vấn hôm nay.

- Phát phần thưởng cho câu hỏi hay và câu trả lời hay nhất của buổi tọa đàm hôm nay.

- Cảm ơn các chuyên gia tư vấn đã đến tham dự buổi tư vấn, cảm ơn thầy/cô chủ nhiệm, cảm ơn các bạn đã nhiệt tình đóng góp cho buổi tư vấn đạt được thành công hôm nay.

3.3.2. Một số hình ảnh minh họa về tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển NL GT&HT trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hội thi,...



Hình ảnh: HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP TẠI LỚP HỌC





Hình ảnh: HỘI THI- Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP CẤP TRƯỜNG



Hình ảnh: Buổi sinh hoạt CLB âm nhạc, CLB Tiếng anh Trường

3.3. Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực GT&HT cho HS

3.3.1. Phối hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường để tổ chức HĐTNST nhằm mục tiêu phát triển năng lực GT&HT cho HS

Theo quy định, các trường học tổ chức các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo. Chính vì thế, ngày nay các trường THPT cũng đã có nhiều hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp với các chủ đề chủ điểm hàng tháng như: Thanh niên với tình yêu quê hương đất nước, Thanh niên với tình yêu, tình bạn, tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng... các cuộc thi chào mừng các ngày lễ như: kéo co, nhảy bì, tập san, hội trại... để giúp học sinh phát triển toàn diện đức trí thể mỹ. Các hoạt động đó có thể là hoạt động chung của nhà trường cũng có thể được giao nhiệm vụ lại cho các đơn vị lớp hoàn thành. GVCN có thể kết hợp với các hoạt động đó để giáo dục phát triển năng

lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh. Muốn làm được điều đó GVCN cần:

3.3.2. Lựa chọn các chủ đề thích hợp.

Không phải nội dung hoạt động nào của trường cũng có thể triển khai giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh. GVCN phải lựa chọn hoạt động thích hợp để có thể phát triển hai năng lực đó tốt nhất và hiệu quả nhất.

3.3.3. Xác định mục tiêu, phương pháp tổ chức các hoạt động theo hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

Ngoài mục tiêu giáo dục chung của nhà trường thì sau khi lựa chọn được hoạt động thích hợp, GVCN cần xác định rõ mục tiêu của giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trong hoạt động đó là gì? Phương pháp thực hiện hoạt động đó theo hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh? Sau đó GVCN, hướng dẫn HS xác định các nội dung cần thực hiện của nhiệm vụ được giao.

3.3.4. Tổ chức thực hiện

Mỗi hoạt động, GVCN cần hướng dẫn học sinh mình tiến hành các hoạt động qua các bước cụ thể như sau:

Bước 1: GVCN xây dựng tiêu chí phân nhóm HS. Hướng dẫn HS xác định mục đích, nội dung và xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Chia nhóm, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm. Đảm bảo tất cả các thành viên đều thuộc ít nhất là 1 trong các nhóm đã chia.

Bước 2: Yêu cầu các nhóm bàn bạc, thảo luận lên kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao. Báo cáo, thuyết trình trước tập thể kế hoạch và biện pháp thực hiện của nhóm mình. GVCN hướng dẫn học sinh báo cáo kế hoạch, góp ý hoàn thiện bản kế hoạch của nhóm.

Bước 3: Sau khi hoàn thiện kế hoạch, nhóm tiếp tục thảo luận bàn giao nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong nhóm. Nhóm trưởng kiểm tra tiến độ công việc của các thành viên trong nhóm và báo cáo lại cho GVCN và có thể điều chỉnh lại nhiệm vụ cho hợp lý và đảm bảo thời gian.

Bước 4: GVCN lập kế hoạch đánh giá và xây dựng các tiêu chí đánh giá. Cuối hoạt động, GVCN cho HS tiến hành đánh giá lại việc thực hiện và kết quả thực hiện *teambuilding* của các nhóm. Nhận xét về năng lực giao tiếp và hợp tác của các nhóm, nhóm nào cần thay đổi, thay đổi như thế nào để năng lực đó được phát huy tốt hơn.

3.3.5. GVCN khuyến khích HS tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa như hoạt động trải nghiệm tình nguyện, tuyên truyền, lao động công ích để phát huy năng lực GT&HT

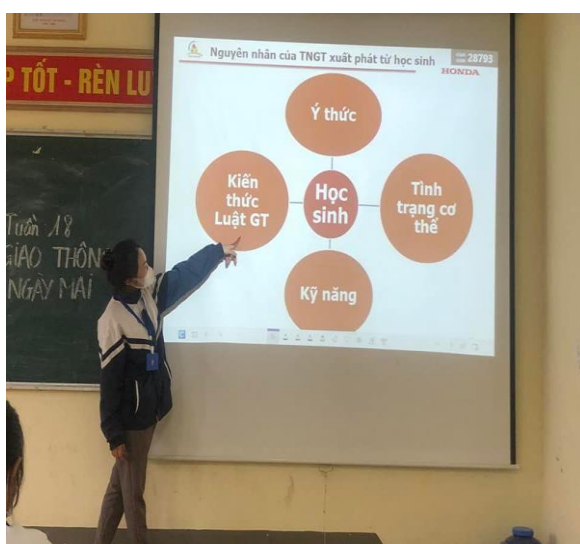
Biện pháp này được hiểu một cách cụ thể như sau: Giáo viên không đóng

vai trò là người tổ chức các hoạt động thực tế cho HS, mà có trách nhiệm phối hợp với gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội để tạo môi trường, điều kiện cho các em tự tổ chức các hoạt động tập thể, ngoại khóa, tình nguyện, thiện nguyện... nhằm phát huy và lan tỏa NL GT&HT. Đây là biện pháp ở thang đo cao nhất trong hệ thống các biện pháp nghiên cứu của đề tài, bởi vì biện pháp này không dừng lại ở việc HS có được NL GT&HT nữa mà còn biết vận dụng những NL GT&HT mình có được đó vào cuộc sống để đóng góp cho gia đình, nhà trường và xã hội.

Vai trò của GVCN trong biện pháp này được thể hiện như sau:

- GV có thể nêu ý tưởng hoặc góp ý cho các ý tưởng do HS đề xuất về việc tổ chức hoạt động ngoại khóa
- GVCN góp ý cho HS về cách thức tổ chức, kịch bản dẫn chương trình, trọng tài, ban hậu cần... cho các hoạt động.

Một số hình ảnh minh họa việc HS tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện, tuyên truyền,... để lan tỏa những việc tốt, những năng lực giao tiếp và hợp tác trong cuộc sống và học tập:



Hoạt động ngoài giờ lên lớp -Tuyên truyền ATGT vì nụ cười ngày mai





**HOẠT ĐỘNG ĐÀM Ý NGHĨA CỦA HỌC SINH
TẠI NGHĨA TRANG HUYỆN NGHI LỘC**



HS dọn vệ sinh tại đền thờ Nguyễn Xi

3.4. Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh

Để đánh giá được NL GT&HT của HS thông qua các hoạt động cần dựa trên một bộ công cụ bao gồm: Tiêu chí và mức độ NL GT&HT; bảng kiểm quan sát; phiếu tự đánh giá sản phẩm dự án của HS; phiếu hỏi và bài kiểm tra. Trong bài viết này chúng tôi tập trung trình bày: Tiêu chí và mức độ NLGT&HT, bảng kiểm quan sát, phiếu tự đánh giá sản phẩm dự án và bài kiểm tra.

3.4.1. Xác định tiêu chí và mức độ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh

Từ các biểu hiện và cấu trúc của NL GT&HT, chúng tôi nghiên cứu đề xuất các tiêu chí, mức độ đánh giá NLGT&HT (bảng1)

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<p>- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.</p> <p>–Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.</p>	<p>- Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.</p> <p>- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá.</p>	<p>- Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.</p>
2. Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều		<p>- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.</p>	<p>- Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với</p>

chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn			nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
3. Xác định mục đích và phương thức hợp tác		<ul style="list-style-type: none"> - Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; - Biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; - Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
4. Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
5. Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

<p>6. Tổ chức và thuyết phục người khác</p>	<p>- Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm</p>	<p>- Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp;</p>	<p>- Biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.</p>
<p>7.Đánh giá hoạt động hợp tác</p>	<p>-Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.</p>	<p>- Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm mình và nhóm khác.</p>	<p>-Rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.</p>
<p>8. Hội nhập quốc tế</p>	<p>- Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</p>	<p>- Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.</p>	<p>-Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.</p>

Bảng 1: Bảng tiêu chí và các mức độ của năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh THPT

Trong đó:

Mức 1: Tương đương với mức điểm 0 - 4 điểm

Mức 2: Tương đương với mức điểm 5 - 7 điểm

Mức 3: Tương đương với mức điểm 8-10 điểm

3.4.2. Thiết kế bảng kiểm quan sát

Bảng kiểm quan sát theo các tiêu chí đánh giá NL GT&HT cho HS

THPT được thiết kế như bảng 2:

Bảng 2. Bảng kiểm quan sát đánh giá NL GT&HT trong DHDA(Dùng cho GV đánh giá nhóm HS,cán hân HS)

Trường:..... Tỉnh:.....

Họ tên GV:.....

Tên bài học/chủ đề dự án:.....

Đối tượng quan sát:.....Lớp:.....Nhóm:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

TT	Tiêu chí thể hiện NLGT&HT của HS	Đánh giá mức độ phát triển NLGT&HT/điểm đạt được			Nhận xét
		Chưa đạt 0-4	Đạt 5-7	Tốt 8-10	
1	Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp				
2	Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn				
3	Xác định mục đích và phương thức hợp tác				
4	Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân				
5	Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác				
6	Tổ chức và thuyết phục người khác				
7	Đánh giá hoạt động hợp tác				
8	Hội nhập quốc tế				
	Tổng điểm	0-32	40-56	64-80	

3.4.3. Thiết kế phiếu tự đánh giá sản phẩm dự án của học sinh

Phiếu tự đánh giá sản phẩm của HS sau quá trình thực hiện dự án để làm rõ thấy được sự phát triển NL GT&HT của HS trong quá trình thực hiện dự án. Phiếu tự đánh giá sản phẩm của HS phải có những tiêu chí cụ thể rõ ràng, sát với tiêu chí đánh giá NL GT&HT của HS. Việc thiết kế phiếu tự đánh giá sản phẩm dự án được thực hiện theo quy trình sau:

- Bước 1: Xác định đối tượng, mục tiêu và thời điểm đánh giá.
- Bước 2: Xác định nội dung và các tiêu chí cần đánh giá.
- Bước 3: Thiết kế các tiêu chí và các mức độ đạt được của tiêu chí tùy theo đặc điểm của mỗi loại sản phẩm hoạt động của HS (báo cáo thuyết trình, bài trình chiếu, sản phẩm vật chất, tranh ảnh,...) và có thêm các tiêu chí khác mang tính đặc thù của sản phẩm.

Bước 4: Xác định thang đo mức độ của các tiêu chí của NL GT&HT và thống nhất với HS để hoàn thiện phiếu đánh giá.

Bước 5: Xác định cách thức xử lý dữ liệu đánh giá.

Phiếu đánh giá bài trình bày sản phẩm dự án của HS (Dùng cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng) được thể hiện qua bảng 3:

**Bảng 3. Phiếu đánh giá sản phẩm báo cáo dự án
(Dùng cho HS tự đánh giá – đánh giá đồng đẳng)**

Trường THPT:.....
 Tên học sinh:.....Lớp:.....
 Tên đề tài dự án:.....
 Hình thức sản phẩm:.....
 Người đánh giá:.....
 Hướng dẫn đánh giá cho điểm:.....

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Điểm đạt được
1. Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản,	- Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.	- Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.	

	ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.	- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá.		
2. Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn		Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.	Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.	
3. Xác định mục đích và phương thức hợp tác		Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; Biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.	
4. Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân		- Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.	

<p>5. Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác</p>		<p>Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.</p>	<p>Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.</p>	
<p>6. Tổ chức và thuyết phục người khác</p>	<p>Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.</p>	<p>Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp;</p>	<p>Biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.</p>	
<p>7. Đánh giá hoạt động hợp tác</p>	<p>- Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.</p>	<p>- Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm mình và nhóm khác.</p>	<p>Rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý cho từng người trong nhóm.</p>	
<p>8. Hội nhập quốc tế</p>	<p>Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</p>	<p>Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.</p>	<p>Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của mình và bạn bè.</p>	

3.4.4. Thiết kế bài kiểm tra

Bài kiểm tra, đánh giá NL GT&HT của HS ngoài nhiệm vụ đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS còn giúp làm rõ sự thể hiện được một số tiêu chí đặc trưng của NL GT&HT. Do vậy, GV cần thiết kế các bài tập theo định hướng phát triển năng lực để xây dựng đề kiểm tra. HS phải hoàn thành trong thời gian xác định sau đó GV chấm điểm. Thông qua kết quả kiểm tra, GV sẽ đánh giá được mức độ nắm kiến thức và các tiêu chí của NL GT&HT. Quy trình thiết kế Đề thiết kế đề kiểm tra, đánh giá NLGT&HT của HS, GV cần tiến hành theo quy trình sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu và thời điểm đánh giá.
- Bước 2: Xác định tiêu chí cần đánh giá, phương pháp và điều kiện thực hiện bài kiểm tra.
- Bước 3: Lập ma trận bài kiểm tra, các câu hỏi thể hiện, các nội dung của các tiêu chí cần đánh giá.
- Bước 4: Thiết kế câu hỏi, hướng dẫn giải, đáp án giải theo nhiều cách.
- Bước 5: Thử nghiệm, trao đổi với đồng nghiệp và lấy ý kiến của chuyên gia.
- Bước 6: Chỉnh sửa và hoàn thiện

4. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

Trong những năm qua, bản thân chúng tôi đã được giao nhiệm vụ làm công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT Nghi Lộc 4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, với những nỗ lực không ngừng, chúng tôi luôn tìm tòi, học hỏi và tìm kiếm những giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh. Qua việc áp dụng đề tài ***“Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm ở trường THPT”***.

Trong quá trình thực nghiệm lần này, chúng tôi đã lựa chọn 3 lớp 11A4, 11C1, 11C6 trường THPT Nghi Lộc 4 để làm đối tượng thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS mang lại kết quả như sau:

Kết quả tổng hợp	Lớp 11A4		Lớp 11C6		Lớp 11C1	
	Học sinh	%	Học sinh	%	Học sinh	%
Số HS không hứng thú với các HĐTNST trong công tác chủ nhiệm.	3/42	7,1	4/43	9,3	2/41	4,8
Số HS cho các HĐTNST trong công tác chủ nhiệm nhằm chán, không thiết thực.	0/42	0	0/43	0	0/41	0
Số HS cho các HĐ TNST trong công tác chủ nhiệm cần thay đổi mới mẻ, sinh động hơn.	3/42	7,1	4/43	9,3	2/41	4,8
Số HS hứng thú với các hình thức sử dụng HĐTNST nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong các công tác chủ nhiệm	39/42	92	39/43	90	39/41	95,2

Kết quả thực nghiệm cho thấy: Đối với lớp thực nghiệm số HS hưởng ứng giờ học, hiểu bài và vận dụng sáng tạo hơn so với lớp đối chứng. Thực tế cũng phản ánh trong quá trình dạy học, khi GV dạy vận dụng và kết hợp tốt các hình thức tổ chức dạy học cũng đạt được hiệu quả cao hơn trong việc truyền thụ kiến thức cho HS. Như vậy, việc vận dụng các PP và kĩ thuật dạy học tích cực vào dạy học và công tác chủ nhiệm bằng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo rất phù hợp và khả thi. Không chỉ tạo hứng thú cho HS mà bên cạnh đó, còn tạo cơ hội cho người học được thỏa sức sáng tạo. Quan trọng nhất là GV đã tạo cơ hội và điều kiện để thông qua tiết học nhằm giúp HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác - một trong những nhóm năng lực quan trọng nhất để thành công của con người. Chính vì thế, so với phương pháp dạy học truyền thống, phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS được cả GV và HS trong trường hết sức ủng hộ.

PHẦN III: KẾT LUẬN

1. Những đóng góp của đề tài

Đề tài đã đưa ra được những giải pháp để giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh lớp chủ nhiệm ở trường THPT mang tính mới mẻ, sáng tạo. Các giải pháp đưa ra đã được triển khai, kiểm nghiệm trong quá trình thực hiện đã mang lại sự hứng khởi, thích thú cho giáo viên và học sinh. Qua đó, giúp các em bỏ qua sự rụt rè, e ngại để mạnh dạn, tự tin, giao tiếp tốt. Giúp các em nhận biết được các tính cách của các thành viên khác trong tập thể lớp của mình, điểm mạnh, điểm yếu của từng người để bổ sung, phối hợp với nhau để đạt hiệu quả tốt hơn. Từ đó năng lực hợp tác được phát triển.

Đề tài đảm bảo tính chính xác của khoa học. Các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng, cấu trúc logic, hợp lí, chặt chẽ, đúng qui định. Nội dung của đề tài được trình bày, lí giải vấn đề một cách mạch lạc. Các luận cứ khoa học có cơ sở vững chắc, khách quan, các số liệu được thống kê chính xác, trình bày có hệ thống. Phương pháp xử lí, khai thác tài liệu được tiến hành đúng qui chuẩn của một công trình khoa học. Đề tài được lập luận chặt chẽ, thấu đáo, có tính thuyết phục cao.

Chính vì những lí do trên mà có thể kết luận đề tài đã mang lại tính hiệu quả, thời sự rõ rệt. Đó là đáp ứng được quan điểm, yêu cầu, tình hình đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá theo yêu cầu GVCN: Với việc giáo dục học sinh theo hướng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tạo điều kiện để giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, sự hợp tác giữa các đồng nghiệp cũng như cơ hội để xây dựng mối quan hệ tốt với học sinh. Giáo viên cảm thấy yêu nghề hơn khi giảng dạy các phương pháp có tính hiệu quả cao, đơn giản. Thúc đẩy phong trào mỗi giáo viên là tấm gương tự học, tự sáng tạo trong hộ đồng sư phạm nhà trường.

Như vậy, với những lí do trên, đề tài mà chúng tôi trình bày đã đáp ứng được tính mới, tính sáng tạo, tính hiệu quả và tính khả thi của một sáng kiến kinh nghiệm.

2. Một số kiến nghị, đề xuất

2.1. Với các cấp quản lí giáo dục

Việc *giáo dục Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm ở trường THPT* là một hướng đi đúng và cần thiết. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này chỉ mang lại kết quả cao, bền vững khi các cấp quản lí giáo dục đặc biệt quan tâm từ

khâu soạn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo. Đặc biệt, phổ biến rộng rãi đề tài đến với các giáo viên và học sinh khác, nâng cao khả năng áp dụng và phát triển rộng hơn tính hiệu quả, tính thời sự của đề tài.

2.2. Với nhà trường

Để tổ chức dạy học đề tài Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh bằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong công tác chủ nhiệm ở trường THPT đạt hiệu quả, kính mong nhà trường tạo điều kiện để tổ chức các buổi chuyên đề học tập để nâng cao kiến thức giáo viên chủ nhiệm. Thúc đẩy phong trào tự học, tự sáng tạo và tự phát triển của giáo viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.

2.3. Với giáo chủ nhiệm

Giáo viên cần thường xuyên trau dồi nghề nghiệp, không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để những hoạt động giáo dục trong công tác chủ nhiệm thực sự hấp dẫn đối với học sinh, góp phần vào việc phát triển năng lực và phẩm chất của con người trong thời đại mới.

Trên đây là nội dung đề tài sáng kiến kinh nghiệm của chúng tôi. Những gì chúng chúng tôi trình bày trong đề tài là sự nghiên cứu tìm tòi và vận dụng vào thực tiễn trong một thời gian dài và thực sự đã mang lại những hiệu quả rất thiết thực góp phần vào việc đổi mới phương pháp giáo dục phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác nói riêng và tất cả các năng lực nói chung cho học sinh ở trường THPT. Tuy nhiên, đề tài sẽ còn những chỗ chưa thật sự thỏa đáng. Chúng tôi rất mong muốn nhận được những góp ý từ các bạn đồng nghiệp, Hội đồng khoa học các cấp và bạn bè chia sẻ, bổ sung để đề tài có thể hoàn thiện hơn.

Giáo viên cần thường xuyên trau dồi nghề nghiệp, không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để những hoạt động giáo dục trong công tác chủ nhiệm thực sự hấp dẫn đối với học sinh, góp phần vào việc phát triển năng lực và phẩm chất của con người trong thời đại mới.

3.4. Đối với học sinh:

Phải thấy được vai trò của các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc phát huy năng lực và hình thành phẩm chất cho con người. Từ đó có thái độ học tập đúng đắn trong việc tham gia các hoạt động trải nghiệm.

Do trình độ, kinh nghiệm còn hạn chế nên sáng kiến này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Kính mong các thầy cô giáo, bạn bè đồng nghiệp góp ý để chúng tôi có được cách nhìn nhận, vận dụng hoạt động dạy học này tốt hơn, hiệu quả hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông - HDGD ngoài giờ lên lớp.*
2. BộGD-ĐT (2017).*Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể.*
3. Bộ GD-ĐT (2018). *Thông tư 32 2018 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới*
4. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học.* NXB Đại học Sư phạm.
5. *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển Bách Khoa,2000)
6. Hoàng Phê (2005), *TừđiểntiếngViệt*,NXBĐàNẵng.
7. Nguyễn Công Khanh (2003), *Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng tiếp cận năng lực*, tài liệu đào tạo giáo viên, Viện khoa học Giáo dục.
8. Đinh Ngọc Lâm, *Phát triển năng lực giao tiếp của người học và việc áp dụng vào dạy Ngoại ngữ*, Tạp chí khoa học.